

Trong công cuộc cải cách hệ thống kế toán tại nước ta, việc đổi mới hệ thống báo cáo kế toán đóng một vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là cốt lõi:

1. Báo cáo kế toán (thường được các chuẩn mực kế toán quốc tế gọi là báo cáo tài chính) là nơi trình bày các thông tin tài chính của đơn vị; qua đó nói lên tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các biến đổi về tình hình tài chính của đơn vị. Việc đổi mới chế độ báo cáo kế toán cho phù hợp với các thông lệ quốc tế cho phép báo cáo kế toán của doanh nghiệp VN có thể đọc, hiểu và so sánh dễ dàng trong các quan hệ quốc tế. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, tín dụng... với các đối tác nước ngoài.

2. Dứng ở góc độ thiết kế hệ thống kế toán mới, đổi mới báo cáo kế toán có thể coi là điểm xuất phát cho việc đổi mới các chế độ kế toán khác. Bởi vì chính cái phải trình bày sẽ quyết định cái phải ghi chép và các phương pháp tính toán, ghi chép.

Bài viết này xin được điểm qua một số nét đổi mới cơ bản trong hệ thống báo cáo kế toán mới theo hướng hòa nhập với các thông lệ quốc tế. Hy vọng sẽ góp thêm một góc nhìn trong việc nghiên cứu và đánh giá hệ thống kế toán mới.

a) **Bảng cân đối tài sản:** Trong hệ thống báo cáo kế toán mới "Bảng tổng kết tài sản" được đổi tên thành

"Bảng cân đối tài sản" với một số thay đổi quan trọng sau:

. **Nợ phải thu và hàng tồn kho** được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được nếu giá trị này thấp hơn giá số sách.

Nợ phải thu (thuần) = nợ phải thu - dự phòng phải thu khó đòi

Hàng tồn kho (thuần) = hàng tồn kho - dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng này được xem như một chi phí trong kỳ làm giảm kết quả hoạt động. Cuối niên độ sau, nếu các khoản dự phòng này không được sử dụng sẽ hoàn nhập trở lại trước khi lập dự phòng mới.

Việc trình bày như trên làm cho bảng cân đối tài sản phản ánh trung thực và hợp lý hơn tình hình tài chính của đơn vị theo thông lệ quốc tế. Bởi vì khi nợ phải thu đã xuất hiện khả năng không đòi được hay hàng tồn kho đã có bằng chứng giảm giá do "rớt giá", mất phẩm chất, lỗi thời thì việc trình bày chúng trên bảng cân đối tài sản theo giá sổ sách sẽ làm cho tài sản đơn vị tăng lên giả tạo. Tuy nhiên vì khoản thiệt hại này chưa thực sự xảy ra nên không thể trực tiếp loại trừ khỏi tài sản mà chỉ lập dự phòng, xem như một khoản điều chỉnh giảm.

Một ảnh hưởng đồng thời của việc lập dự phòng là lợi nhuận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm xuống. Điều này thể hiện nguyên tắc tương xứng (matching) giữa doanh thu và chi phí.

Bởi vì nếu chờ đến khi các thiệt

hại về nợ khó đòi hoặc giảm giá hàng tồn kho thực sự xảy ra mới ghi nhận sẽ làm cho kết quả kinh doanh của kỳ sau phải gánh chịu một thiệt hại của kỳ trước.

. **Tài sản và công nợ** trình bày trên bảng cân đối tài sản được tách biệt thành 2 loại ngắn hạn và dài hạn phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tài sản = tài sản lưu động (ngắn hạn) + tài sản cố định (dài hạn)

Nợ phải trả = nợ ngắn hạn + nợ dài hạn

Điều này có một ý nghĩa quan trọng vì nó giúp người đọc báo cáo có thể biết được tài sản nào đơn vị có thể sử dụng để thanh toán và món nợ nào đơn vị phải hoàn trả trong thời gian ngắn. Từ đó, có thể sử dụng các số liệu trên báo cáo để tính các chỉ tiêu, tỷ số tài chính thông dụng trong nền kinh tế thị trường để đánh giá tình hình tài chính của một doanh nghiệp:

Vốn hoạt động (Working capital) = Tài sản lưu động - Nợ ngắn hạn

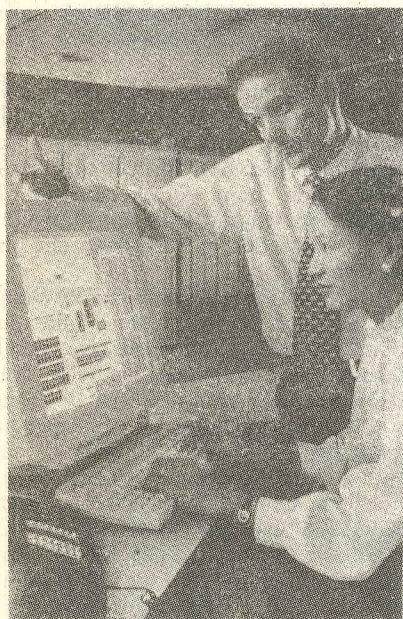
Tỷ số lưu hoạt (Current Ratio) = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn

Tỷ số thanh toán nhanh (Quick Ratio) = Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn

. **Tài sản cố định thuê tài chính** được đưa vào tài sản của đơn vị trên bảng cân đối tài sản, tương ứng với việc ghi nhận một khoản nợ dài hạn, phù hợp với thông lệ quốc tế.

. Một số khoản mục mới được bổ sung như đầu tư chứng khoán ngắn

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO KẾ TOÁN VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HÒA NHẬP VỚI THÔNG LỆ QUỐC TẾ



30 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

VŨ HỮU ĐỨC
Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

hạn, dài hạn. Vốn góp liên doanh được trình bày đúng theo bản chất là một khoản đầu tư dài hạn. Sự hợp nhất giữa nguồn vốn cố định và nguồn vốn lưu động phù hợp với thực tiễn sử dụng vốn và giảm được nhiều phức tạp trong việc theo dõi riêng nguồn vốn cố định.

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: được thay đổi cách trình bày gắn với thông lệ quốc tế:

- Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh được xác định từ doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán và các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Thu nhập từ hoạt động tài chính bao gồm thu nhập mang lại từ hoạt động đầu tư (*investment income*) và thu nhập từ lãi (*interest income*)

- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay (*Interest expense*)

- Các khoản thu nhập và chi phí bất thường (*extraordinary item*)

- Thực lãi thuần của doanh nghiệp (*net profit*) bằng thực lãi trừ cho thuế lợi tức phải nộp.

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: là một báo cáo mới được bổ sung vào hệ thống báo cáo kế toán để phù hợp với thông lệ quốc tế.

"Doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các yêu cầu của chuẩn mực này và nên trình bày báo cáo này như một bộ phận không thể tách rời của các báo cáo tài chính trong mỗi thời kỳ mà các báo cáo này được lập ra".

(Chuẩn mực kế toán quốc tế số 7: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ điều chỉnh năm 1992, có hiệu lực từ năm 1994).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một công cụ hữu ích để người sử dụng báo cáo kế toán có thể đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc tạo ra tiền tệ và nhu cầu của doanh nghiệp trong việc sử dụng luồng tiền đó:

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ xác định lượng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh theo một trong hai cách:

- Phương pháp trực tiếp: tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (bán hàng, cung cấp, dịch vụ...) trừ cho tiền đã thực chi cho hoạt động kinh doanh (mua nguyên vật liệu, hàng hóa, trả cho người cung cấp, trả lương công nhân, nộp thuế...). Qua đó cho người đọc biết tiền trong đơn vị hình thành từ đâu và chi tiêu cho mục đích gì trong hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp gián tiếp: điều hòa từ lợi nhuận SXKD bằng cách cộng, trừ các khoản không có tính chất tiền (khấu hao, dự phòng...) tăng giảm vốn hoạt động (hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả...) và các khoản bất thường. Cách này thuyết minh cho người đọc sự khác biệt giữa lợi nhuận và lượng tiền thực sự thu

được của đơn vị.

2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phân tích ảnh hưởng qua lại giữa lượng tiền sinh ra từ hoạt động kinh doanh với lượng tiền sinh ra hoặc tiêu hao cho các hoạt động đầu tư (mua sắm tài sản cố định, tăng giảm đầu tư...) và hoạt động tài chính (tăng giảm vốn, vay nợ, trả nợ vay...). Người đọc sẽ thấy rõ đơn vị dùng tiền sinh ra từ hoạt động kinh doanh để đầu tư hay trả nợ vay ra sao; hoặc bù đắp các nhu cầu tiền tệ của hoạt động kinh doanh và đầu tư từ các nguồn huy động vốn, vay nợ.v.v.

d) Bảng thuyết minh bổ sung: bản thân các báo cáo kế toán nêu trên đã được thiết kế để cố gắng trình bày đầy đủ các thông tin tài chính của doanh nghiệp để người sử dụng có thể đưa ra các quyết định kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có những vấn đề chưa được trình bày hoặc không thể đưa vào các báo cáo kế toán nêu trên, mà nếu không trình bày thì có thể gây hiểu lầm hoặc dẫn đến các quyết định sai lầm của người sử dụng báo cáo tài chính.

Do đó, bên cạnh các báo cáo trên cần thiết phải có một bảng thuyết minh bổ sung để cung cấp các thông tin này. Hệ thống báo cáo kế toán mới đưa vào bảng thuyết minh bổ sung để khai báo các thông tin phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Nguyên tắc hoạt động bao gồm hình thức hoạt động, hình thức sở hữu vốn, lĩnh vực kinh doanh... để người đọc nắm được thực thể của đơn vị.

- Các phương pháp kế toán áp dụng tại đơn vị. Điều này bắt nguồn từ một thực tế là các phương pháp kế toán khác nhau sẽ dẫn đến kết quả hoạt động khác nhau. Thí dụ: hai đơn vị có tình hình kinh doanh hoàn toàn giống nhau, đơn vị nào áp dụng phương pháp khấu hao nhanh sẽ có lợi nhuận thấp hơn. Việc khai báo các phương pháp kế toán áp dụng (đánh giá hàng tồn kho, khấu hao TSCĐ, hạch toán ngoại tệ...) cần thiết để người đọc có thể so sánh các báo cáo tài chính với nhau.

- Một số dữ liệu chi tiết các chỉ tiêu trên báo cáo kế toán để cung cấp thêm thông tin cho người đọc.

Trên đây là một số thay đổi cơ bản trong việc trình bày của hệ thống báo cáo kế toán mới ban hành theo quyết định 1206/TC - CĐKT của Bộ tài chính. Có thể thấy rõ sự quyết tâm và dũng cảm của các nhà thiết kế chính sách trong việc hướng tới sự hòa nhập với các thông lệ kế toán quốc tế, tạo điều kiện cho các giao lưu tài chính, kinh tế quốc tế của các doanh nghiệp VN. Những thay đổi trên cùng là nền tảng cho việc thiết kế hệ thống tài khoản kế toán mới được ban hành đồng thời.

Tuy nhiên, trên con đường hòa nhập với các thông lệ quốc tế, ngoài những khoảng cách mà chúng ta cố ý duy trì vì những đặc thù của nền kinh tế VN, vẫn còn đó những khoảng cách cần tiếp tục xem xét.

1. Lần này các nhà thiết kế hệ thống kế toán đã đi một bước rất xa trước các cơ chế tài chính, đặc biệt là các cơ chế liên quan đến doanh nghiệp nhà nước ở vấn đề lập dự phòng, vấn đề khấu hao TSCĐ, vấn đề xử lý chênh lệch giá và chênh lệch tỷ giá...chắc chắn Bộ tài chính cũng đang khẩn trương nghiên cứu để điều chỉnh các cơ chế này cho phù hợp nhưng không thể nói đến những trở lực rất lớn từ các ràng buộc của toàn bộ một hệ thống chưa thay đổi kịp thời.

2. Về mặt kỹ thuật, việc xây dựng một hệ thống tài khoản kế toán, dù là một hệ thống mở và linh hoạt thế nào đi nữa, vẫn phải đảm bảo một mức độ chi tiết và một yêu cầu về tính hệ thống. Trong điều kiện cơ chế tài chính chưa có, nhiều lĩnh vực còn quá mới mẻ với nền kinh tế VN, hệ thống tài khoản kế toán mới gặp ít nhiều lúng túng trong việc đáp ứng các yêu cầu nêu trên:

- Sự thiếu nhất quán trong việc giải quyết các vấn đề cùng loại. Thí dụ chúng ta có 4 loại dự phòng thì có đến 2 phương pháp hoàn nhập và 2 phương pháp tính vào chi phí và thu nhập.

- Sự sơ sài, thiếu cụ thể đến mức mơ hồ, khó thực hiện ở một số lĩnh vực mới. Thí dụ: tài sản cố định thuê tài chính, hệ thống tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ...

- Những thiếu sót do chưa đủ thời gian và điều kiện nghiên cứu rót ráo như báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Một số vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để phù hợp với thông lệ quốc tế như kế toán các ảnh hưởng của lạm phát, kế toán ngoại tệ, một số nội dung cần khai báo bổ sung (công nợ ngoài dự kiến, sự việc xảy ra ngày kết thúc niên độ, các nghiệp vụ của các bên hữu quan...)

Trong tất cả các vấn đề nêu trên, có những vấn đề có thể nghiên cứu và giải quyết được ngay nhưng có những vấn đề sẽ không thể giải quyết vì chúng ta không có đủ thực tiễn để đúc kết, hoặc cơ chế tài chính không thể chuyển kịp thời. Thời gian còn quá ngắn để đến ngày ban hành chính thức hệ thống kế toán mới và một quyết định được ban hành thì không thể chứa đựng những mâu thuẫn hoặc những điều có quy định mà chưa cho phép thực hiện. Do đó nên chăng khoan lại một số vấn đề chưa thể giải quyết triệt để và không ban hành ngay trong kỳ này để tiếp tục nghiên cứu, thí điểm và đúc kết thực tiễn? ■